



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P.Thạch Bàn, Q Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN B NĂM HỌC 2024-2025

THỰC ĐƠN HỌC SINH						
TUẦN 3 THÁNG 9						
	Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
1	Món cơm	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
2	Món chính	Thịt kho tàu	Bò hầm củ quả	Cá rán giòn	Thịt xay rang hành	Gà KFC
3	Món phụ	Trứng trung	Thịt đậu sốt cà chua	Giò rim	Chả cá rim	Khoai tây chiên bơ
4	Món rau	Rau muống xào tỏi	Cải ngọt xào tỏi	Thịt xào su su	Giá xào cà rốt	Canh thịt nấu chua
5	Món canh	Canh me chua	Canh củ quả nấu thịt	Canh rau ngót nấu thịt	Canh rau cải nấu thịt	
6	Bữa phụ	Sữa Yakun	Bánh Staff ruốc	Sữa tươi Ba Vì	Bánh Chocopie	Sữa Yakun



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thu Hương



GIÁM ĐỐC
Mai Thị Vân Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P. Thạch Bàn, Q. Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

TEL: 0913.315.004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

SUẤT ĂN HỌC SINH BÁN TRƯ TIÊU HỌC THẠCH BÀN b NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 30.000đ trên một học sinh đã bao gồm VAT

Tuần	3	Thứ 2	16-09-24	20-09-24
------	---	-------	----------	----------

Ghi chú : Định lượng chín chỉ có tính chất tham khảo. Rau và canh có thể thay đổi

Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sống	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Hai	Cơm trắng	Gạo tẻ	0.11	21,000	2,310	0.22	24.2	Khí đốt	1,200	25,912	3,000	28,912
	Thịt kho tàu	Thịt lợn	0.05	135,000	6,750	0.03	119.4	CNV	2,295			
		Đường	0.002	30,000	60	0.0012	0	KH	500			
		Cốt dừa	0.002	30,000	60	0.0012	44	Bảo hiểm	50			
	Trứng trứng	Trứng gà	0.5	3,600	1,800	0.2						
	Rau muống xào tỏi	Rau muống	0.06	25,000	1,500	0.036						
		Tỏi bóc	0.001	50,000	50	0.0006	47	Lãi	1,295			
	Canh me chua	Me chua	0.003	40,000	120	0.0018	5.2	Nước	50			
					0	0		xe giao	247			
	Sữa Yakun	Sữa Yakun	1	5,000	5,000	0.6						
		Dầu ăn	0.025	65,000	1,625							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Hai				20,275		788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sống	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Ba	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	389.4	Khí đốt	1,200	26,147	3,000	29,147
	Bò hầm củ quả	Thịt bò	0.02	160,000	3,200	0.012	119.4	CNV	2,295			
		Khoai tây	0.03	25,000	750	0.018	0	KH	500			
		Cà rốt	0.02	25,000	500	0.012	44	Bảo hiểm	50			
		Cà ri bơ	0.001	100,000	100	0.0006	47	Lãi	1,295			
	Thịt đậu sốt cà chua	Thịt lợn	0.005	135,000	675	0.003	5.2	Nước	50			
		Đậu phụ	0.05	30,000	1,500	0.03	17.4	xe giao	247			
		Cà chua	0.02	30,000	600	0.008						
	Cải ngọt xào tỏi	Cải ngọt	0.06	25,000	1,500	0.036						
		Tỏi bóc	0.001	50,000	50	0.0006						
	Canh củ quả nấu thịt	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0012						
		Khoai tây	0.03	25,000	750	0.018						
		Cà rốt	0.02	25,000	500	0.012						
		Hành lá	0.001	30,000	30	0.0006						
	Bánh Staff ruốc	Bánh Staff ruốc	1	4,500	4,500	0.6						
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.035	65,000	2,275							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Ba				20,510		788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sống	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	389.4	Khí đốt	1,200			
	Cá rán giòn	Cá rô phi file	0.05	120,000	6,000	0.03	156	CNV	2,295			

Thứ Tư		Bột chiên giòn	0.01	55,000	550	0.006	99.6	KH	500	27,627	3,000	30,627
					0	0		Bảo hiểm	50			
	Giò rim	Giò lợn	0.02	135,000	2,700	0.012	10.2	Lãi	1,295			
	Thịt xào su su	Thịt lợn	0.001	135,000	135	0.0006		Nước tây/rửa xe giao hàng	50			
		Su su	0.045	25,000	1,125	0.027	5.2		247			
		cà rốt	0.01	25,000	250	0.006	19					
	Canh rau ngót nấu thịt	Thịt băm	0.002	135,000	270	0.0012						
		Rau ngót	0.02	35,000	700	0.012						
	Sữa tươi Ba Vì		1	5,000	5,000							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.03	65,000	1,950							
		Gia vị			1,000		100					
	Tổng thứ Tư				21,990		779.4		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sống	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Năm	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	173.8	Khi đốt	1,200	27,102	3,000	30,102
	Thịt xay rang hành	Thịt lợn	0.06	135,000	8,100	0.036	119.4	CNV	2,295			
		Hành lá	0.002	30,000	60	0.0012	0	KH	500			
	Chả cá rim	Chả cá	0.02	100,000	2,000	0.012	44	Bảo hiểm	50			
	Giá xào cà rốt	Giá đỗ	0.05	25,000	1,250	0.03	47	Lãi	1,295			
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.003	5.2	Nước tây/rửa xe giao hàng	50			
	Canh rau cải nấu thịt	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0012	17.4		247			
		Rau cải	0.02	25,000	500	0.012						
		Gừng củ	0.001	50,000	50	0.0006						
	Bánh Chocopie	Bánh Chocopie	1	4,500	4,500							
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300							
		Gia vị			1,000							
	Tổng thứ Năm				21,465		788.675		5,637			
Thứ	Tên món	Thực phẩm	ĐL Sống	Đơn Giá	Thành Tiền	ĐL Chín	Klo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	173.8	Khi đốt	1,200			
	Gà KFC	Gà CN	0.09	80,000	7,200	0.072	156	CNV	2,295			
		Chiên giòn	0.01	55,000	550	0.006	99.6	KH	500			
		Chiên xù	0.01	55,000	550	0.006		Bảo hiểm	50			
		Bột quicks	0.0008	200,000	160	0.00048	10.2	Lãi	1,295			
		Bột nghệ	0.001		0	0.0006		Nước tây/rửa xe giao hàng	50			
	Khoai tây chiên bơ	Khoai tây	0.06	25,000	1,500	0.036	5.2		247			

Thứ Sáu		Bột chiên khoai	0.0015	100,000	150	0.0009	19												
		Bơ	0.001	100,000	100	0.0006													
		Tỏi bóc	0.001	50,000	50	0.0006													
	Canh thịt nấu chua	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0012													
		Me chua	0.03	40,000	1,200	0.018													
		Cà chua	0.008	30,000	240	0.0048													
		Hành lá	0.002	30,000	60	0.0012													
	Sữa Yakun	Sữa Yakun	1	5,000	5,000														
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.035	65,000	2,275														
	Gia vị			1,000			100												
	Tổng thứ Sáu			22,615			779.4												
														</					



Nguyễn Thị Thu Hương

GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh